



W.P.N  
[Signature]

SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN	
TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 25877
	Giờ: Ngày 6 tháng 9 năm 2010

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN  
TÂY NGUYÊN**

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Giám đốc	1 - 3
Báo cáo soát xét	4
Các Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 21

## BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010 đã được soát xét.

### Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Nhà máy Thủy điện IaĐrăng 1 trực thuộc Công ty Điện Gia Lai theo Quyết định số 1188/QĐ ngày 23 tháng 09 năm 2004 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Gia Lai. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000046 ngày 12 tháng 11 năm 2004. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 7 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 25/09/2009. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép niêm yết số 119/QĐ-SGDHCM ngày 01/10/2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán TIC. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 12/10/2009.

**Vốn điều lệ:** 165.826.000.000 đồng

**Vốn góp thực tế đến 30/06/2010:** 165.826.000.000 đồng, trong đó vốn góp của Công ty Điện Gia Lai chiếm tỷ lệ 51%.

### Trụ sở chính

- Địa chỉ: 114 Trường Chinh, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai
- Điện thoại: (84) 059 2222170
- Fax: (84) 059 3748113

### Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất điện năng, kinh doanh bán điện;
- Kinh doanh dịch vụ thiết bị kỹ thuật điện;
- Đầu tư, xây dựng các công trình thủy điện vừa và nhỏ;
- Xây lắp đường dây và trạm biến áp từ 35KW trở xuống;
- Xây dựng nhà các loại (mã ngành 4100);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (mã ngành 4290);
- Xây dựng công trình thủy lợi;
- Xây dựng công trình công nghiệp;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Trồng cây cao su (mã ngành 0125);
- Sản xuất các sản phẩm khác từ cao su (mã ngành 2212);
- Chế biến nông sản (trừ mù cao su);
- Mua bán bất động sản;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (mã ngành 5510);



## BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Kinh doanh dịch vụ du lịch nội địa.

### Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến 30/06/2010 là 4 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

### Hội đồng Quản trị

• Ông Tân Xuân Hiến	Chủ tịch	Bổ nhiệm lại ngày 18/06/2010
• Ông Phan Thanh Lạc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18/06/2010
• Ông Huỳnh Đoan	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18/06/2010
• Ông Nguyễn Quang Vinh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18/06/2010
• Ông Nguyễn Văn Giang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18/06/2010

### Ban Kiểm soát

• Bà Trần Thị Phương	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 18/06/2010
• Ông Nguyễn Xuân Thanh	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 18/06/2010
• Ông Trương Văn Lân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18/06/2010

### Giám đốc và Kế toán trưởng

• Ông Huỳnh Đoan	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15/08/2006
• Ông Nguyễn Tiến Hải	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 07/05/2010

### Kiểm toán độc lập

Các Báo cáo tài chính này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính 217 Nguyễn Văn Linh, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: [www.aac.com.vn](http://www.aac.com.vn); Email: [aac@dng.vnn.vn](mailto:aac@dng.vnn.vn)).

### Trách nhiệm của Giám đốc trong việc lập các Báo cáo tài chính

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập các Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục.

## BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2010 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như luồng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.



Giám đốc

Huỳnh Đoan

Gia Lai, ngày 19 tháng 08 năm 2010

0010  
ONG  
N.I  
EM  
KẾ  
KHẾ





# CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

## THÀNH VIÊN QUỐC TẾ CỦA POLARIS INTERNATIONAL

Trụ sở chính  
217 Nguyễn Văn Linh, Q.Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng  
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887  
Email: aac@dng.vnn.vn  
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh  
47-49 Hoàng Sa (Tầng 5 Tòa nhà Hoàng Đan)  
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh  
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349  
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 1351/BCKT-AAC

Đà Nẵng, ngày 19 tháng 08 năm 2010

## BÁO CÁO SOÁT XÉT

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị, Giám đốc và các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010 được lập ngày 19/08/2010 của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 21. Các Báo cáo tài chính này được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam.

### Trách nhiệm của Giám đốc Công ty và của Kiểm toán viên

Việc lập các Báo cáo tài chính này là trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến nhận xét về các báo cáo tài chính này dựa trên cơ sở kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

### Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét các báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện soát xét để có sự đảm bảo vừa phải rằng liệu các báo cáo tài chính có chứa đựng những sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính; công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Ý kiến nhận xét của Kiểm toán viên

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi đưa ra ý kiến rằng các báo cáo tài chính đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.



**Phan Xuân Vạn**  
Tổng Giám đốc

Chứng chỉ KTV số Đ.0102/KTV

**Trần Thị Phương Lan**  
Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số 0396/KTV

3707  
TV  
I.H  
TOÁN  
TOÁN  
TP.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Mẫu số B 01 - DN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
ngày 20/3/2006 và các quy định sửa đổi, bổ sung  
có liên quan của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>3.053.346.983</b>	<b>13.120.972.142</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>49.091.194</b>	<b>398.955.614</b>
1. Tiền	111		49.091.194	48.955.614
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	350.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>2.855.470.647</b>	<b>12.587.631.386</b>
1. Phải thu khách hàng	131		73.980.572	154.231.662
2. Các khoản phải thu khác	135	<b>6</b>	2.781.490.075	12.433.399.724
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>330.000</b>	<b>330.000</b>
1. Hàng tồn kho	141		330.000	330.000
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>148.455.142</b>	<b>134.055.142</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		10.000.000	-
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	<b>7</b>	138.455.142	134.055.142
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>203.377.656.648</b>	<b>203.986.319.087</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.555.988.777</b>	<b>3.176.866.327</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>8</b>	2.555.988.777	2.743.490.666
- Nguyên giá	222		4.890.381.007	4.890.381.007
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.334.392.230)	(2.146.890.341)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	<b>9</b>	-	433.375.661
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>191.329.575.579</b>	<b>192.269.979.064</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư dài hạn khác	258	<b>10</b>	191.329.575.579	192.269.979.064
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>9.492.092.292</b>	<b>8.539.473.696</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		9.492.092.292	8.539.473.696
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>206.431.003.631</b>	<b>217.107.291.229</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>42.300.904.821</b>	<b>43.729.820.718</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>5.101.604.821</b>	<b>6.530.520.718</b>
1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	138.508.694	144.743.445
2. Chi phí phải trả	316	12	12.000.000	-
3. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	4.835.176.661	6.249.057.807
4. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		115.919.466	136.719.466
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>37.199.300.000</b>	<b>37.199.300.000</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Vay và nợ dài hạn	334	14	37.199.300.000	37.199.300.000
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>164.130.098.810</b>	<b>173.377.470.511</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>164.130.098.810</b>	<b>173.377.470.511</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	15	165.826.000.000	165.826.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	414	15	(9.630.720.000)	(9.630.720.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	417	15	6.110.798.611	5.828.415.468
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	15	1.824.020.199	11.353.775.043
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>206.431.003.631</b>	<b>217.107.291.229</b>



Giám đốc

*[Handwritten signature]*

Huỳnh Đoàn

Gia Lai, ngày 19 tháng 08 năm 2010

Kế toán trưởng

*[Handwritten signature]*

Nguyễn Tiến Hải



**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010

Mẫu số B 02 - DN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
ngày 20/3/2006 và các quy định sửa đổi, bổ sung  
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2010 VND	6 tháng đầu năm 2009 VND
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	16	856.773.570	623.294.750
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	16	856.773.570	623.294.750
4. Giá vốn hàng bán	11	17	378.419.179	407.537.664
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng &amp; cc dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>478.354.391</b>	<b>215.757.086</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	2.207.004.205	5.352.193.597
7. Chi phí tài chính	22	19	391.728.131	254.637.057
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		391.728.131	254.637.057
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		273.930.016	350.386.759
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>2.019.700.449</b>	<b>4.962.926.867</b>
11. Thu nhập khác	31		2.869.750	3.166.165
12. Chi phí khác	32		-	-
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>2.869.750</b>	<b>3.166.165</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>	<b>20</b>	<b>2.022.570.199</b>	<b>4.966.093.032</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	20	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>	<b>20</b>	<b>2.022.570.199</b>	<b>4.966.093.032</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	21	126	308



Giám đốc

Huỳnh Đoàn

Gia Lai, ngày 19 tháng 08 năm 2010

Kế toán trưởng

Nguyễn Tiến Hải

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010

Mẫu số B 03 - DN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
ngày 20/3/2006 và các quy định sửa đổi, bổ sung  
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	6 tháng đầu năm 2010 VND	6 tháng đầu năm 2009 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	937.024.660	-
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(681.673.886)	(191.555.224)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(107.131.094)	(143.506.989)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(5.646.927)	(2.473.333)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	-	(1.148.723.998)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	3.266.991.887	3.593.089
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(5.586.324.223)	(238.131.478)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(2.176.759.583)</b>	<b>(1.720.797.933)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(75.000.000)	(3.805.000.000)
2. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.448.779.146	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11.808.828.207	2.393.771.642
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>13.182.607.353</b>	<b>(1.411.228.358)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	500.000.000	1.060.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(500.000.000)	(2.143.938.900)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(11.355.712.190)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(11.355.712.190)</b>	<b>(1.083.938.900)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(349.864.420)</b>	<b>(4.215.965.191)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	398.955.614	8.851.485.848
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>49.091.194</b>	<b>4.635.520.657</b>



Huỳnh Đoàn

Gia Lai, ngày 19 tháng 08 năm 2010

Kế toán trưởng

Nguyễn Tiến Hải



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Nhà máy Thủy điện IaĐrăng 1 trực thuộc Công ty Điện Gia Lai theo Quyết định số 1188/QĐ ngày 23 tháng 09 năm 2004 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Gia Lai. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000046 ngày 12 tháng 11 năm 2004. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 7 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 25/09/2009. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép niêm yết số 119/QĐ-SGDHCM ngày 01/10/2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán TIC. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 12/10/2009.

#### *Ngành nghề kinh doanh chính*

- Sản xuất điện năng, kinh doanh bán điện;
- Kinh doanh dịch vụ thiết bị kỹ thuật điện;
- Đầu tư, xây dựng các công trình thủy điện vừa và nhỏ;
- Xây lắp đường dây và trạm biến áp từ 35KW trở xuống;
- Xây dựng nhà các loại (mã ngành 4100);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (mã ngành 4290);
- Xây dựng công trình thủy lợi;
- Xây dựng công trình công nghiệp;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Trồng cây cao su (mã ngành 0125);
- Sản xuất các sản phẩm khác từ cao su (mã ngành 2212);
- Chế biến nông sản (trừ mù cao su);
- Mua bán bất động sản;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (mã ngành 5510);
- Kinh doanh dịch vụ du lịch nội địa.

### 2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

### 3. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và các quy định sửa đổi, bổ sung có liên quan; Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

40010  
CÔNG  
N.H  
M.T  
KẾ T  
Ế TP



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### **4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**

#### **4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### **4.2 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh. Các tài khoản có số dư ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản nợ dài hạn được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn thì để lại số dư trên báo cáo tài chính, đầu kỳ sau ghi bút toán ngược lại để xoá số dư.

#### **4.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

#### **4.4 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

#### **4.5 Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Dự phòng được lập cho các khoản giảm giá đầu tư nếu phát sinh tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

### **4.6 Tài sản cố định hữu hình**

#### **Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

#### **Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 24
Máy móc thiết bị	6 – 8
Phương tiện vận tải	4 – 6
Thiết bị dụng cụ quản lý	6

### **4.7 Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

### **4.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hoá và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hoá đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### **4.9 Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm**

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho khoảng thời gian người lao động làm việc tại Công ty tính đến thời điểm 31/12/2008. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là từ 1% đến 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm được Công ty trích lập theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003 của Bộ Tài chính.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### **4.10 Chi phí vay**

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

### **4.11 Phân phối lợi nhuận thuần**

Lợi nhuận thuần sau thuế sau khi trích lập các quỹ được chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông.

### **4.12 Ghi nhận doanh thu**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thoả mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc niên độ kế toán.
- Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo hai trường hợp:
  - ✓ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành.
  - ✓ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí của hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ được khách hàng xác nhận.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### **4.13 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

### 4.14 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Áp dụng mức thuế suất 10% đối với điện thương phẩm.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 25%. Ngoài ra, Công ty được hưởng ưu đãi đối với dự án đầu tư thủy điện như sau:
  - Được hưởng thuế suất ưu đãi là 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh. Dự án Thủy điện IaĐrăng 1 đi vào hoạt động năm 2002, do vậy Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% từ năm 2002 đến năm 2016.
  - Được miễn thuế 04 năm kể từ khi Dự án Thủy điện IaĐrăng 1 có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Năm 2002 là năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế, theo đó Dự án được miễn thuế trong 04 năm (2002 - 2005) và được giảm 50% trong 09 năm tiếp theo (2006 - 2014).

Những ưu đãi về thuế Thu nhập doanh nghiệp trên đây được quy định tại Nghị định 24/2007/NĐ-CP ngày 14/2/2007 của Chính phủ

- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

### 4.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

## 5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Tiền mặt	12.996.226	3.358.134
Tiền gửi ngân hàng	36.094.968	45.597.480
Các khoản tương đương tiền	-	350.000.000
<b>Cộng</b>	<b>49.091.194</b>	<b>398.955.614</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 6. Các khoản phải thu khác

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Công ty Điện Gia Lai (lãi liên doanh)	2.780.992.061	11.819.673.913
Công ty Cao su Chư Sê (lãi liên doanh)	-	366.179.603
Công ty Cao su Chư Prông (lãi liên doanh)	-	196.962.547
Các khoản khác	498.014	50.583.661
<b>Cộng</b>	<b>2.781.490.075</b>	<b>12.433.399.724</b>

### 7. Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Tạm ứng	138.455.142	134.055.142
<b>Cộng</b>	<b>138.455.142</b>	<b>134.055.142</b>

### 8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	1.156.756.835	1.584.426.368	151.042.632	1.998.155.172	4.890.381.007
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.156.756.835</b>	<b>1.584.426.368</b>	<b>151.042.632</b>	<b>1.998.155.172</b>	<b>4.890.381.007</b>
<b>Khấu hao</b>					
Số đầu năm	403.837.351	934.584.587	110.132.401	698.336.002	2.146.890.341
Tăng trong kỳ	27.141.058	100.749.294	12.062.907	47.548.630	187.501.889
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>430.978.409</b>	<b>1.035.333.881</b>	<b>122.195.308</b>	<b>745.884.632</b>	<b>2.334.392.230</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	752.919.484	649.841.781	40.910.231	1.299.819.170	2.743.490.666
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>725.778.426</b>	<b>549.092.487</b>	<b>28.847.324</b>	<b>1.252.270.540</b>	<b>2.555.988.777</b>

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2010 là: 12.575.460 đồng.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Công trình Thủy điện IaĐrăng 2A	-	433.375.661
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>433.375.661</b>

### 10. Đầu tư dài hạn khác

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Công ty Cổ phần Ayun Thượng	1.826.800.000	1.751.800.000
Công ty Điện Gia Lai (GEC)	184.117.775.579	184.378.479.793
- Góp vốn liên doanh Công trình Thủy điện IaĐrăng 3 & IaMeur 3	13.402.522.865	13.744.822.251
- Góp vốn liên doanh Công trình Thủy điện H'Chan	36.265.825.975	36.265.825.975
- Góp vốn liên doanh Công trình Thủy điện ĐăkPiHao 2	62.585.416.050	62.850.776.310
- Góp vốn liên doanh Công trình Thủy điện IaPuch 3	44.988.764.596	45.075.184.825
- Góp vốn liên doanh Công trình Thủy điện H'mun	26.441.870.432	26.441.870.432
- Góp vốn liên doanh Dự án Thủy điện IaĐrăng 2A	433.375.661	-
Công ty Cao su Chư Sê	2.700.000.000	2.700.000.000
Công ty Cao su Chư Prông	2.685.000.000	2.685.000.000
Công ty TNHH Nhật Minh	-	754.699.271
<b>Cộng</b>	<b>191.329.575.579</b>	<b>192.269.979.064</b>

- Góp vốn vào Công ty Cổ phần Ayun Thượng theo Hợp đồng hợp tác liên doanh góp vốn đầu tư xây dựng thủy điện, công trình Nhà máy Thủy điện Ayun Thượng 1A số 05/2006/CTĐ – CTCP ngày 7/6/2006 và Biên bản thoả thuận thay đổi tỷ lệ góp vốn giữa Công ty Điện Gia Lai với Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên trong liên doanh xây dựng thủy điện Ayun Thượng 1A ngày 16/5/2008. Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên góp 5% Vốn điều lệ. Công trình Thủy điện Ayun Thượng 1A đang trong giai đoạn đầu tư.
- Góp vốn liên doanh với GEC đầu tư xây dựng thủy điện, công trình Nhà máy Thủy điện IaĐrăng 3 và Nhà máy Thủy điện IaMuer 3 theo Hợp đồng kinh tế liên doanh đầu tư xây dựng thủy điện số 01/2005/CTĐ-CTCP ngày 01/04/2005. Tổng vốn đầu tư của Dự án là 44 tỷ. Công trình hoàn thành đưa vào sử dụng năm 2007.
- Góp vốn liên doanh với GEC đầu tư xây dựng thủy điện, công trình Nhà máy Thủy điện H'Chan theo Hợp đồng kinh tế liên doanh góp vốn đầu tư xây dựng thủy điện số 02/2005/CTĐ-CTCP ngày 10/11/2005. Công trình hoàn thành đưa vào sử dụng năm 2007.
- Góp vốn liên doanh với GEC đầu tư xây dựng thủy điện, công trình Nhà máy Thủy điện ĐăkPiHao 2 theo Hợp đồng kinh tế liên doanh góp vốn đầu tư xây dựng thủy điện số 02/2006/CTĐGL-CTCP ngày 02/06/2006. Công trình hoàn thành đưa vào sử dụng năm 2008.
- Góp vốn liên doanh với GEC đầu tư xây dựng thủy điện, công trình Nhà máy Thủy điện IaPuch 3 theo Hợp đồng kinh tế liên doanh góp vốn đầu tư xây dựng thủy điện số 03/2006/CTĐGL-CTCP ngày 02/06/2006. Công trình hoàn thành đưa vào sử dụng năm 2009.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Góp vốn liên doanh với GEC đầu tư xây dựng thủy điện, công trình Thủy điện H'Mun theo Hợp đồng kinh tế liên doanh góp vốn đầu tư xây dựng thủy điện số 04/2009/HDLĐ ngày 24/08/2009. Công trình dự kiến hoàn thành trong năm 2010.
- Góp vốn liên doanh với GEC đầu tư xây dựng thủy điện, Dự án Thủy điện IaĐrăng 2A theo Biên bản làm việc số 04/BB-TIC ngày 12/05/2009 về việc chuyển quyền chủ đầu tư và hợp tác góp vốn xây dựng Dự án Thủy điện IaĐrăng 2A và Công văn chấp thuận số 4057/UBND-CN của UBND tỉnh Gia Lai ngày 15/12/2009 về việc thay đổi chủ đầu tư Dự án Thủy điện IaĐrăng 2A cho Công ty Điện Gia Lai.
- Góp vốn vào Công ty Cao su Chư Sê theo Hợp đồng góp vốn đầu tư số 95/HĐGVĐT ngày 17/8/2006 để thực hiện Dự án công trình Thủy điện ĐăkPiHao 2 và IaPuch 3 của Công ty Điện Gia Lai. Tổng số vốn góp theo Hợp đồng là 3.000.000.000 đồng. Dự án hoàn thành đi vào hoạt động năm 2008.
- Góp vốn vào Công ty Cao su Chư Prông theo Hợp đồng góp vốn đầu tư số 79/2007/HĐGVĐT ngày 10/8/2007 để thực hiện Dự án công trình thủy điện ĐăkPiHao 2 và IaPuch 3 tại Tỉnh Gia Lai. Tổng số vốn Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên góp theo Hợp đồng là 3.000.000.000 đồng. Dự án hoàn thành đi vào hoạt động năm 2008.
- Căn cứ Biên bản làm việc ngày 11/01/2010 về việc xem xét việc hợp tác góp vốn đầu tư Dự án Đăk H'Nol và Biên bản đối chiếu vốn góp, lãi và thanh lý hợp đồng ngày 25/03/2010, các bên liên doanh (Công ty TNHH Nhật Minh, Công ty Điện Gia Lai, Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên) đã thống nhất thanh lý Hợp đồng kinh tế số 01/2009/NM-GEC-TIC ngày 07/02/2009. Công ty Điện Gia Lai, Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên không tham gia góp vốn vào Dự án Đăk H'Nol nữa. Công ty TNHH Nhật Minh đã hoàn trả vốn góp và lãi cho các bên liên doanh.

### 11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Thuế giá trị gia tăng	9.222.199	8.342.168
Thuế thu nhập doanh nghiệp	121.227.041	121.227.041
Thuế thu nhập cá nhân	5.810.400	7.260.000
Thuế tài nguyên	2.249.054	7.914.236
<b>Cộng</b>	<b>138.508.694</b>	<b>144.743.445</b>

### 12. Chi phí phải trả

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Trích trước tiền thuê văn phòng	12.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>12.000.000</b>	<b>-</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2010	31/12/2009
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	10.926.008	10.228.996
Bảo hiểm xã hội	1.064.532	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.823.186.121	6.238.828.811
- Công ty Điện Gia Lai	2.933.130.730	2.941.268.230
- Công ty Cổ phần Phát triển Năng Lượng	500.000.000	550.512.451
- Phải trả trái chủ lãi trái phiếu	1.348.477.200	2.499.792.960
- Cổ tức phải trả	36.204.191	63.324.530
- Các khoản khác	5.374.000	183.930.640
<b>Cộng</b>	<b>4.835.176.661</b>	<b>6.249.057.807</b>

### 14. Vay và nợ dài hạn

	30/06/2010	31/12/2009
	VND	VND
Trái phiếu phát hành	37.199.300.000	37.199.300.000
<b>Cộng</b>	<b>37.199.300.000</b>	<b>37.199.300.000</b>

### 15. Vốn chủ sở hữu

#### a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2009	165.826.000.000	(9.630.720.000)	2.160.063.622	39.333.403
Tăng trong năm	-	-	3.668.351.846	28.002.740.790
Giảm trong năm	-	-	-	16.688.299.150
<b>Số dư tại 31/12/2009</b>	<b>165.826.000.000</b>	<b>(9.630.720.000)</b>	<b>5.828.415.468</b>	<b>11.353.775.043</b>
Số dư tại 01/01/2010	165.826.000.000	(9.630.720.000)	5.828.415.468	11.353.775.043
Tăng trong kỳ	-	-	282.383.143	2.022.570.199
Giảm trong kỳ	-	-	-	11.552.325.043
<b>Số dư tại 30/06/2010</b>	<b>165.826.000.000</b>	<b>(9.630.720.000)</b>	<b>6.110.798.611</b>	<b>1.824.020.199</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**b. Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu**

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Vốn góp của Công ty Điện Gia Lai	84.571.500.000	84.571.500.000
Vốn góp của cổ đông khác	76.427.670.000	76.427.670.000
Tổng mệnh giá cổ phiếu quỹ	4.826.830.000	4.826.830.000
<b>Cộng</b>	<b>165.826.000.000</b>	<b>165.826.000.000</b>

**c. Cổ phiếu**

	30/06/2010 Cổ phiếu	31/12/2009 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	16.582.600	16.582.600
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	16.582.600	16.582.600
- Cổ phiếu thường	16.582.600	16.582.600
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	482.683	482.683
- Cổ phiếu thường	482.683	482.683
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.099.917	16.099.917
- Cổ phiếu thường	16.099.917	16.099.917
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

**d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	11.353.775.043	39.333.403
<b>Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>2.022.570.199</b>	<b>28.002.740.790</b>
<b>Các khoản giảm lợi nhuận sau thuế</b>	<b>11.552.325.043</b>	<b>16.688.299.150</b>
Phân phối các quỹ	282.383.143	3.808.365.550
- Quỹ đầu tư phát triển	282.383.143	3.668.351.846
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	140.013.704
Chia cổ tức	11.269.941.900	12.879.933.600
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>1.824.020.199</b>	<b>11.353.775.043</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**16. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	6 tháng đầu năm 2010 VND	6 tháng đầu năm 2009 VND
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>856.773.570</b>	<b>623.294.750</b>
+ Doanh thu bán điện thương phẩm	856.773.570	623.294.750
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng hóa dịch vụ</b>	<b>856.773.570</b>	<b>623.294.750</b>

**17. Giá vốn hàng bán**

	6 tháng đầu năm 2010 VND	6 tháng đầu năm 2009 VND
Giá vốn điện thương phẩm	378.419.179	407.537.664
<b>Cộng</b>	<b>378.419.179</b>	<b>407.537.664</b>

**18. Doanh thu hoạt động tài chính**

	6 tháng đầu năm 2010 VND	6 tháng đầu năm 2009 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	48.995.620	229.944.941
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.158.008.585	5.122.248.656
- Lãi liên doanh công trình TĐ IaDrăng 3 & IaMeur 3	364.184.793	342.380.820
- Lãi liên doanh công trình thủy điện H'Chan	-	1.994.620.429
- Lãi liên doanh công trình thủy điện ĐăkPiHao 2	711.253.721	1.529.383.538
- Lãi liên doanh công trình thủy điện IaPuch 3	1.082.570.071	1.255.863.869
<b>Cộng</b>	<b>2.207.004.205</b>	<b>5.352.193.597</b>

040  
CỘNG  
H. N.  
ẾM  
KẾ T  
TỔNG  
KẾ T



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 19. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2010 VND	6 tháng đầu năm 2009 VND
Chi phí lãi vay	391.728.131	254.637.057
<b>Cộng</b>	<b>391.728.131</b>	<b>254.637.057</b>

### 20. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2010 VND	6 tháng đầu năm 2009 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.022.570.199	4.966.093.032
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận chịu thuế TNDN	36.300.000	-
- <i>Thù lao HĐQT &amp; Ban kiểm soát không trực tiếp điều hành</i>	36.300.000	-
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận chịu thuế TNDN	2.158.008.585	5.122.248.656
- <i>Lãi liên doanh được chia</i>	2.158.008.585	5.122.248.656
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>(99.138.386)</b>	<b>(156.155.624)</b>
- <i>Hoạt động sản xuất kinh doanh điện</i>	240.724.375	(134.629.673)
- <i>Hoạt động cung cấp dịch vụ và lãi tiền gửi</i>	(339.862.761)	(21.525.951)
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	-	-
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</b>	-	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>2.022.570.199</b>	<b>4.966.093.032</b>

### 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2010 VND	6 tháng đầu năm 2009 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.022.570.199	4.966.093.032
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
- <i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
- <i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	2.022.570.199	4.966.093.032
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	16.099.917	16.099.917
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>126</b>	<b>308</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 22. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Trong kỳ Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với bên liên quan: Công ty Điện Gia Lai (Công ty mẹ)

#### a. Giao dịch với bên liên quan

	6 tháng đầu năm 2010 VND	6 tháng đầu năm 2009 VND
<b>Doanh thu, thu nhập tài chính</b>		
Doanh thu bán điện	853.120.510	620.139.950
Lãi liên doanh được chia	2.158.008.585	5.122.248.656
<b>Mua hàng hóa dịch vụ</b>		
Thuê nhân công vận hành	161.996.100	145.859.100

#### b. Số dư với các bên liên quan

	Nội dung nghiệp vụ	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Phải thu khách hàng	Phải thu về bán sản phẩm	73.980.572	154.231.662
Phải thu khác	Phải thu về lãi liên doanh	2.780.992.061	11.819.673.913
Đầu tư dài hạn khác	Góp vốn liên doanh	184.117.775.579	184.378.479.793
Phải trả, phải nộp khác		2.933.130.730	2.941.268.230

### 23. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

### 24. Số liệu so sánh

Một số chỉ tiêu đã được trình bày lại theo quy định của Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.



Giám đốc

Huỳnh Đoàn

Gia Lai, ngày 19 tháng 08 năm 2010

Kế toán trưởng

Nguyễn Tiến Hải

